

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 8 – 2020

“V/v ly hôn giữa
anh M và chị T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Huỳnh Thị Thê Phương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Thái Văn M, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 311, tổ 11, ấp Phú Th A, xã Phú Th A1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* chị Văn Thị Phương T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 01, ấp Phú Cường B, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thái Văn M trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm được một năm, năm 2006 anh và chị Văn Thị Phương T đồng ý kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Th A1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 11-6-2007. Sau khi cưới vợ chồng chung với cha mẹ anh. Tháng 12-2007 T sinh con được tám tháng tuổi thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường gây gổ, việc gì cũng gây cựa, chị T bỏ về nhà cha mẹ vợ ở khoảng hai tuần, anh qua rước về, chị T không chịu về, không nói lý do, thấy vậy anh bắt con để chị T trở về, nhưng vẫn không về. Vợ chồng ly thân từ tháng 12-2007 đến nay, thời gian ly thân không liên lạc và không gặp nhau hàn gắn.

Năm 2012 anh và mẹ ruột tên Văng Thị Huyền đến nhà cha mẹ vợ để nói chuyện của vợ chồng, nếu ở lại thì về sống chung, nếu không ở lại thì ly hôn, chị T không chịu về và anh đề nghị ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, hai bên làm giấy tay tự thỏa thuận ly hôn.

Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Ngày 26-5-2020 anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Anh Đô, sinh ngày 14-4-2007, anh M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, vì anh có điều kiện nuôi con, hiện nay đi làm có thu nhập từ lương.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Bị đơn là chị Văn Thị Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo anh M trình bày, mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tôi tên Văng Thị Huyền và cha mẹ vợ tên Văn Hùng Dũng, Nguyễn Thị Nga biết rõ.

Tại văn bản ngày 15-8-2019 bà Văng Thị Huyền (mẹ ruột anh M) cho biết, năm 2006 M và T kết hôn và sống chung với bà. Năm 2007 T sinh con được tám tháng tuổi, hỏi bà về nhà cha mẹ ruột chơi nhưng không trở về, M qua rước T cũng không về, M bắt con, từ đó vợ chồng ly thân. Năm 2012 bà và anh M đến nhà cha mẹ chị T để giải quyết việc vợ chồng anh M, chị T, chị T không đồng ý trở lại sống chung với anh M và hai bên làm giấy tay tự thỏa thuận ly hôn ngày 18-12-2012. Bà thấy vợ chồng anh M, chị T không thể hàn gắn, bà đề nghị Tòa án cho anh M, chị T ly hôn.

Tại văn bản ngày 09-9-2019 ông Văn Hùng Dũng (cha ruột chị T) cho biết, sau khi cưới chị T sống bên nhà chồng. Khoảng hai năm sau chị T ly thân anh M về sống với ông, chị T cho biết gia đình nhà chồng khó khăn, chị không sống chung được. Sau đó, ông không nhớ thời gian nào M làm giấy tay vợ chồng thỏa thuận ly hôn và chị T đồng ý ký tên ly hôn. Vợ chồng ông có hàn gắn cho vợ chồng nhưng gia đình

sui gia không chấp nhận. Ông nhận thấy vợ chồng anh M, chị T ly thân thời gian dài, không thể hàn gắn, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng chị Văn Thị Phương T (là bị đơn) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy chị T chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của anh Thái Văn M và chị Văn Thị Phương T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, anh chị mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 7 năm 2007 cho đến nay, năm 2012 hai bên tự làm tờ tự thuận ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị T; về nuôi con chung, anh M yêu cầu tiếp tục nuôi con Thái Anh Đô và không yêu cầu chị T cấp dưỡng, từ khi ly thân đến nay anh M nuôi con ổn định và cháu Đô cũng có nguyện vọng sống với anh M, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh M, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản và nợ chung không có; về án phí anh M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Thái Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Văn Thị Phương T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Văn Thị Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M và chị T.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của anh M và chị T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng từ năm 2007 đến nay vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, thời gian ly thân năm 2012 cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng chị T không đồng ý trở lại sống chung với anh M và hai bên làm tờ tự thuận ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa anh M và chị T.

[4] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay anh M nuôi con có cuộc sống ổn định, cháu Thái Anh Đô có nguyện vọng sống với anh M. Căn cứ

khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của M được tiếp tục nuôi cháu Thái Anh Đô, anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận anh M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, anh M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Thái Văn M và chị Văn Thị Phương T. Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 11-6-2007 của Ủy ban nhân dân xã Phú Th A1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Thái Anh Đô, sinh ngày 14-4-2007 cho anh Thái Văn M trực tiếp nuôi, anh M đang nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Văn Thị Phương T không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận anh M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Thái Văn M phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006065 ngày 15-8-20219 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú T;
- UBND xã Phú Th A1, H. Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Anh Đoan

Huỳnh Thị Thê Phụng

Hồ Thị Kim Phương

